

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 23 – 01 - 2025
“V/v Tranh chấp ly hôn , quyền nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Trà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Quý

Bà Thạch Thị Mỹ Kim

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Sang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 257/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21/10/2024, về việc “Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ngô Thanh T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ thường trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1990.

Địa chỉ thường trú: Hẻm G D, khóm A, phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Ngô Thanh T trình bày và có yêu cầu như sau:*

Năm 2008 bà với ông Nguyễn Văn T1 chung sống như vợ chồng đến năm 2011 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, thành phố T. Quá trình chung sống bà và ông T1 có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Huyền T2, sinh ngày 12/3/2009 và Nguyễn Ngọc Huyền T3, sinh ngày 12/03/2016. Do tính tình ông T1 không tốt nên nhiều năm trước bà có bỏ nhà đi, sau đó vì thương con nên bà quay lại sống chung nhưng ông T1 không bỏ qua chuyện lỗi lầm của bà, thường xuyên chửi đánh bà, bà nhận thấy hôn nhân giữa bà với ông T1 không hạnh phúc, sống

chung không hợp, mâu thuẫn càng lúc càng trầm trọng đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Nay bà cầu T giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Bà Ngô Thanh T yêu cầu giao cho ông Nguyễn Văn T1 nuôi dưỡng, bà T tự cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:*

Ông và bà Ngô Thanh T là vợ chồng nhưng sống chung không hạnh phúc, thương xuyên cãi nhau, cả hai đã nhiều lần hòa giải thương lượng nhưng không thành, hiện tại ông bà không còn tình cảm với nhau nên bà T ly hôn thì ông đồng ý.

- Về con chung: Hiện tại do bà T đi làm xa nên ông đồng ý trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Ngọc Huyền T2, sinh ngày 12/3/2009 và Nguyễn Ngọc Huyền T3, sinh ngày 12/03/2016. Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 có đăng ký kết theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 là hôn nhân hợp pháp.

Nay bà Ngô Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 đều thừa nhận có mâu thuẫn trầm trọng và luôn kiên quyết yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là vợ chồng phải yêu thương, chăm sóc và tôn trọng lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên bà Ngô Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 đều cho rằng cuộc sống hôn nhân từ lâu đã không còn hạnh phúc, cả hai không còn tình cảm với nhau. Như vậy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Ngô Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 đã trầm trọng, đã được hòa giải nhưng không thành. Do đó bà Ngô Thanh T yêu cầu giải quyết ly là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Xét thấy hiện tại các cháu Nguyễn Ngọc Huyền T2, sinh ngày

12/3/2009 và Nguyễn Ngọc Huyền T3, sinh ngày 12/03/2016 đang chung sống cùng với ông Nguyễn Văn T1 tại khóm A, phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, bà Ngô Thanh T thì đi làm xa không trực tiếp chăm sóc con. Về điều kiện và hoàn cảnh của ông Nguyễn Văn T1 qua xác minh từ chính quyền địa phương và lời khai của các bên thì ông Nguyễn Văn T1 đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bà Ngô Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 về việc giao con chung cho ông Nguyễn Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Ngô Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Ngô Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bà Ngô Thanh T có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Ngô Thanh T.

Cho bà Ngô Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Huyền T2, sinh ngày 12/3/2009 và Nguyễn Ngọc Huyền T3, sinh ngày 12/03/2016 cho ông Nguyễn Văn T1 chăm sóc nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Ngô Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự khai không có.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng, căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số: 0000969 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, bà T không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm, đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADSTPTV;
- UBND nơi ĐS cư trú
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giáp Trà Giang